

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2024
Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thu Yến;
- Bà Nguyễn Thị Túy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 981/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy G, sinh năm 1968; thường trú: 186 Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 126D khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm: 1973; thường trú: G khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 126D khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, bản tự khai quá trình tố tụng ông Nguyễn Duy G trình bày:

Ông Nguyễn Duy G và bà Nguyễn Thị Kim U quen biết nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01-99 cấp ngày 01/12/1999.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

bà **U** luôn đe dọa tinh thần, lấy tính mạng của bà để khống chế ông **G**. Do đó vợ chồng không chia sẻ và có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành. Cuộc sống hôn nhân luôn cảm thấy ngột ngạt và mệt mỏi, mỗi khi đi làm về ông **G** không muốn về nhà, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc luôn cảm thấy áp lực. Do không thể chung sống với bà **U** ông **G** đã chuyển ra ngoài sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nếu quay về chung sống cũng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ông **G** không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì họ không yêu cầu. Hiện tại, ông **G** xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà **Nguyễn Thị Kim U**, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **Nguyễn Duy G** yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim U**.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông **G** và bà **U** có 03 con chung gồm **Nguyễn Ngọc Uyên P**, sinh ngày 08/07/2000 và **Nguyễn Ngọc Phương V**, sinh ngày 07/03/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh ngày 16/11/2007 tại đơn khởi kiện ông **G** yêu cầu nuôi con chung, trong quá trình tố tụng ông **G** thay đổi yêu cầu về con chung, đồng ý giao con chung cho bà **Nguyễn Thị Kim U** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con ông **Nguyễn Duy G** không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con.

*Biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim U** trình bày:*

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân, về con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do vợ chồng chưa hiểu nhau, khoảng năm 2020 ông **G** có người phụ nữ khác bên ngoài nên về đối xử lạnh nhạt với vợ con từ nguyên nhân đó nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mỗi khi mâu thuẫn vợ chồng có ngồi nói chuyện với nhau nhưng chỉ một mình bà **U** nói ông **G** cứ im lặng không giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà **U** thừa nhận mỗi khi cãi nhau có đem tính mạng để đe dọa ông **G** làm cho ông **G** cảm thấy mệt mỏi tinh thần tuy nhiên sau đó bà **U** đã suy nghĩ lại hành động của mình không đúng nên có sửa sai. Bà **U** xác định còn tình cảm với ông **G** muốn hàn gắn gia đình chăm lo cho con. Bà **U** đã hy sinh rất nhiều cho gia đình chồng và con để ông **G** yên tâm công tác làm việc bên ngoài. Bà **U** muốn hàn gắn gia đình nhưng ông **G** bỏ nhà đi từ đầu năm 2023 cho đến nay không liên lạc được nên vợ chồng chưa ngồi lại để nói chuyện với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ông **G** và bà **U** không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì không yêu cầu. Về câu khởi kiện của nguyên đơn, bà **U** xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông **G** nên không đồng ý ly hôn mong ông **G** suy nghĩ lại, quay về chung sống hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông G và bà U có 03 con chung gồm Nguyễn Ngọc Uyên P, sinh ngày 08/07/2000 và Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 07/03/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 16/11/2007 trong trường hợp cho ly hôn bà U yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng bà Nguyễn Thị Kim U không yêu cầu ông Nguyễn Duy G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà U không có ý kiến trình bày nào khác và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên các ý kiến như trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân cho ông G được ly hôn với bà U; về con chung: Giao con chung cho bà U nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà U về việc không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại A khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy G và bà Nguyễn Thị Kim U tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01-99 cấp ngày 01/12/1999 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, ông G và bà U đều xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông G xác định nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân luôn cảm thấy áp lực bất an và mệt mỏi cả hai đã nhiều lần nói chuyện, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông G xác định không còn tình cảm với bà U, không muốn đoàn tụ để chung sống hạnh phúc.

Bà **U** xác định giữa vợ chồng có mâu thuẫn và có tạo áp lực tinh thần cho ông **G** cả hai có cãi nhau một bên muốn hàn gắn gia đình nhưng ông **G** không cho cơ hội bỏ nhà đi từ đầu năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên, bà **U** xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông **G** nên không đồng ý ly hôn, mong ông **G** suy nghĩ lại, quay về chung sống hạnh phúc.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Cả ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn có ngồi lại với nhau để nói chuyện nhưng không thành. Ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm gì tới cuộc sống của nhau. Ông **G** xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có hạnh phúc đã nhiều lần tạo điều kiện để hàn gắn gia đình nhưng không được, cuộc sống hôn nhân luôn mệt mỏi, ông **G** đã bỏ nhà đi sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay không về nhà và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu quay về chung sống với nhau không có hạnh phúc.

Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** đã trầm trọng, tiếp tục đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông **Nguyễn Duy G** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim U**.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** có 03 con chung gồm **Nguyễn Ngọc Uyên P**, sinh ngày 08/07/2000 và **Nguyễn Ngọc Phương V**, sinh ngày 07/03/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh ngày 16/11/2007 bà **U** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông **G** đồng ý. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024 cháu **Nguyễn Ngọc A** Thư có nguyện vọng sống chung cùng mẹ. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U**. Giao con chung **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh ngày 16/11/2007 cho bà **Nguyễn Thị Kim U** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng bà **U** không yêu cầu ông **G** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Nguyễn Duy G** và bà **Nguyễn Thị Kim U** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Duy G**.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông **Nguyễn Duy G** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Duy G** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim U** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Duy G** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim U**.

- Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh ngày 16/11/2007 cho bà **Nguyễn Thị Kim U** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với 02 con chung tên **Nguyễn Ngọc Uyên P**, sinh ngày 08/07/2000 và **Nguyễn Ngọc Phương V**, sinh ngày 07/03/2004 đã trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Nguyễn Thị Kim U** không yêu cầu **Nguyễn Duy G** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Duy G** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013081 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh